

VN-Index tăng nhẹ 0,2%

Ngày báo cáo

5/11/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng nhẹ 0,2%

VN-Index tăng nhẹ 0,2% (+2,9 điểm), đóng cửa phiên giao dịch ở mức 1.654,9 điểm. Có 12 mã trong nhóm vốn hóa lớn VN30 tăng điểm trong khi 18 mã giảm. Toàn sàn ghi nhận 120 mã tăng, 190 mã giảm và 56 mã đi ngang. Thanh khoản giảm mạnh so với phiên trước, chỉ đạt 20,2 nghìn tỷ đồng.

- Trong nhóm Ngân hàng, chỉ có VCB (+1,2%), CTG (+2,7%), và BID (+1,9%) tăng. Các mã giảm bao gồm TCB (-2,6%), VPB (-0,9%), và ACB (-1,5%).
- Trong nhóm Bất động sản, VIC (+2,7%) và NVL (+2,6%) tăng mạnh, trong khi VHM (-0,6%), VRE (-2,9%), KDH (-1,8%), và KBC (-1,5%) giảm.
- Các cổ phiếu Dịch vụ tài chính nhìn chung kém khả quan, với TCX (-2,2%), VIX (-2,9%), VCI (-2,9%) giảm, riêng HCM (+2,3%) tăng.
- Các mã tăng đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm công ty tiện ích GAS (+4,1%), nhà sản xuất sữa VNM (+1,2%), hãng hàng không HVN (+3,4%), nhà sản xuất cao su GVR (+1,0%), và công ty dầu khí BSR (+3,1%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- Vốn FDI đăng ký tăng mạnh trong tháng 10
- NLG hoàn tất chuyển nhượng 15% cổ phần dự án Izumi City cho đối tác Nhật Bản, hỗ trợ lợi nhuận quý 4/2025
- DXG/DXS: Doanh số bán hàng trong giai đoạn 2025–2026 tiếp tục được hỗ trợ bởi hoạt động bán hàng tại dự án The Privé và kế hoạch tái khởi động Gem Sky World - Báo cáo Gặp gỡ NĐT
- VNM: Tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi hai chữ số được thúc đẩy bởi các thể mạnh bền vững mới - Báo cáo Gặp gỡ NĐT
- DCM: Triển vọng giá bán urê trung bình khả quan, tiếp tục chiến lược mở rộng theo chiều dọc - Báo cáo ĐHCĐ bất thường
- GVR: Kế hoạch lợi nhuận năm 2025 tăng mạnh nhờ giá bán cao su trung bình tăng - Báo cáo ĐHCĐ bất thường

Báo cáo trong ngày

- PC1: Mảng xây lắp điện ghi nhận đà phục hồi mạnh mẽ - Cập nhật
- PVD: Tích cực đầu tư giàn khoan, hoạt động thăm dò và khai thác trong nước thúc đẩy tăng trưởng - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1654,9	266,7	116,5
% Δ	0,2%	0,3%	1,1%
- % Δ 1 tuần	-1,8%	-0,5%	3,4%
- % YTD	30,6%	17,3%	22,6%
- % YOY	32,8%	18,6%	26,8%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$767,9	\$75,0	\$23,8
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.302,2	\$98,8	\$25,3
- TB 1 năm (triệu)	\$954,6	\$68,2	\$33,7
- TB QTD	\$1.252,5	\$94,9	\$23,9
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-16,7%	-20,1%	-45,8%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$87,7	\$8,6	\$0,4
- Bán (triệu)	\$118,4	\$6,8	\$4,6
- GT ròng (triệu)	-\$30,7	\$1,7	-\$4,2
Độ rộng TT			
Mã tăng	123	62	167
Mã giảm	198	86	115
Không đổi	94	159	630
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	279,8	17,8	57,0
P/E trượt 12T	14,4	20,9	14,8
LS cổ tức*	3,3%	3,1%	5,6%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.886,0	36.311	2.068,8
VN30F2M	1.884,1	3.833	4,0
VN30F1Q	1.882,1	263	0,5
VN30F2Q	1.880,0	133	0,2
VN100F1M	1.804,1	80	0,6
VN100F2M	1.798,0	13	0,2
VN100F1Q	1.798,9	21	0,1
VN100F2Q	1.788,4	16	0,1
USD/VND	26.319		

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Tín hiệu hồi phục về vùng giá 1.675-1.700 điểm vẫn duy trì trên VN-Index. Vùng 1.645 (+/- 5) điểm tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ đà tăng trong ngày. Các vị thế mở mới ở phiên 04/11 sẽ về tài khoản trong phiên 06/11 và nhiều khả năng sẽ tạo nên các nhịp giảm trong ngày. Chúng tôi cho rằng các hoạt động điều chỉnh trong phiên tạo điều kiện mở mới các vị thế trên nhóm Ngân hàng và Chứng khoán quanh vùng giá thấp với ngưỡng dừng lỗ là 1.600 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

Vốn FDI đăng ký tăng mạnh trong tháng 10

* Trong tháng 10, vốn FDI đăng ký tăng mạnh 20,2% YoY, đạt 3,0 tỷ USD, nâng tổng vốn FDI đăng ký trong 10T 2025 lên 31,5 tỷ USD (+15,6% YoY). Trong khi đó, vốn FDI giải ngân tăng lên 2,5 tỷ USD (+11,4% YoY) trong tháng 10 và đạt 21,3 tỷ USD (+8,8% YoY) trong 10T 2025.

* Trong tổng vốn FDI đăng ký, ngành công nghiệp chế biến & chế tạo tiếp tục dẫn đầu với 18,2 tỷ USD, chiếm 57,8% tổng vốn đăng ký, theo sau là ngành bất động sản với 5,9 tỷ USD (18,9%).

* Xét theo quốc gia/vùng lãnh thổ đăng ký, Singapore tiếp tục dẫn đầu với 7,5 tỷ USD, chiếm 23,9% tổng vốn đăng ký. Theo sau là Hàn Quốc (4,4 tỷ USD; 14%), Trung Quốc (3,9 tỷ USD; 12,5%) và Nhật Bản (3,1 tỷ USD; 9,8%).

* Trong tuần cuối tháng 10, Việt Nam và Mỹ đã đạt được Tuyên bố chung về Khuôn khổ Hiệp định Thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng, theo đó Việt Nam cam kết mở rộng tiếp cận thị trường ưu đãi cho gần như toàn bộ hàng hóa công nghiệp và nông nghiệp nhập khẩu từ Mỹ, trong khi Mỹ duy trì mức thuế đối ứng 20% cho phần lớn các sản phẩm, và xem xét khả năng điều chỉnh thuế quan đối ứng xuống mức 0% cho một số mặt hàng cụ thể (chưa công bố chi tiết). Xét trong bối cảnh mức thuế quan đối ứng trung bình của các quốc gia cạnh tranh lẫn các quốc gia có tiềm năng cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất hiện tại đang ở mức 26%, chúng tôi cho rằng Việt Nam vẫn duy trì được sức hấp dẫn đối với thu hút dòng vốn FDI.

NLG hoàn tất chuyển nhượng 15% cổ phần dự án Izumi City cho đối tác Nhật Bản, hỗ trợ lợi nhuận quý 4/2025

* Vào ngày 05/11, NLG công bố đã hoàn tất chuyển nhượng 15% cổ phần tại dự án Izumi City (Đồng Nai) cho đối tác Nhật Bản Tokyu Corporation, phù hợp với kế hoạch trước đó của ban lãnh đạo cũng như kỳ vọng của chúng tôi.

* Công ty chưa công bố lợi nhuận dự kiến từ giao dịch này. Trong dự báo mới nhất của chúng tôi, chúng tôi ước tính việc chuyển nhượng cổ phần tại Izumi City sẽ mang lại khoản lợi nhuận sau thuế khoảng 319 tỷ đồng, chiếm khoảng 46% dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 của NLG (696 tỷ đồng; +34% YoY).

* Dự án Izumi City (Đồng Nai, 170 ha, NLG sở hữu 50%) là dự án khu đô thị phức hợp. Trước đó, NLG đã chuyển nhượng 35% cổ phần của dự án này cho đối tác Nhật Bản Hankyu Hanshin vào năm 2020, sau đó là 15% cổ phần tiếp theo cho Tokyu Corporation vào tháng 11/2025. Phân khu đầu của dự án, có khoảng 270 căn thấp tầng mở bán từ năm 2021, đã được bán hết. Trong ngày 01/11/2025, NLG chính thức mở bán phân khu mới Canaria (gồm 461 căn thấp tầng), sau khi nhận được giấy phép bán hàng vào tháng 10/2025.

* Những diễn biến này củng cố kỳ vọng của chúng tôi rằng Izumi City sẽ là động lực chính cho lợi nhuận và doanh số bán hàng của NLG trong quý 4/2025.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với NLG, với giá mục tiêu 51.600 đồng/CP.

DXG/DXS: Doanh số bán hàng trong giai đoạn 2025–2026 tiếp tục được hỗ trợ bởi hoạt động bán hàng tại dự án The Privé và kế hoạch tái khởi động Gem Sky World - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

* Chúng tôi đã tham dự cuộc họp trực tuyến dành cho NĐT và chuyên viên phân tích của Tập đoàn Đất Xanh (DXG) vào ngày 05/11, với nội dung thảo luận chủ yếu xoay quanh tiến độ triển khai các dự án chủ lực trong danh mục của DXG. Tiến độ mở bán các giai đoạn tiếp theo của dự án The Privé và kế hoạch triển khai các dự án trung hạn khác theo kế hoạch của ban lãnh đạo nhìn chung phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.

* **KQKD trong 9T 2025:** Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong 9T 2025 của DXG và DXS chủ yếu được thúc đẩy bởi mảng môi giới đạt kết quả cao. Vui lòng tham khảo thêm [Báo cáo KQKD của DXG](#) và [Báo cáo KQKD của DXS](#) ngày 31/10 của chúng tôi để biết thêm chi tiết. Chúng tôi hiện không nhận thấy thay đổi nào đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CBTS giai đoạn 2025–2026 cho DXG và DXS của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Phát hành riêng lẻ:** DXG đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt phương án phát hành riêng lẻ 93,5 triệu cổ phiếu vào tháng 9, tương đương 9,18% lượng cổ phiếu hiện hữu, và có 90 ngày để hoàn tất phát hành. Do đó, công ty dự kiến sẽ hoàn tất phát hành trong giai đoạn cuối tháng 11 – đầu tháng 12/2025.

Cập nhật tiến độ các dự án trọng điểm:

* **The Privé** (~3.200 căn hộ tại phường Bình Trưng, TP. HCM): DXG đã bán hết toàn bộ giai đoạn 1 (~1.000 căn hộ thuộc các Block 5–8) vào tháng 8, với tổng giá trị hợp đồng (bao gồm VAT) đạt 9,95 nghìn tỷ đồng và giá bán trung bình (ASP) từ 120–140 triệu đồng/m². Công ty dự kiến bắt đầu bàn giao giai đoạn 1 từ cuối năm 2026 đến đầu năm 2027. Đối với giai đoạn 2, Block 10 đã được giới thiệu ra thị trường gần đây, tuy nhiên DXG hiện chưa công bố số liệu doanh số bán hàng sơ bộ.

* **Gem Sky World** (GSW; ~4.000 căn thấp tầng; 92 ha tại Đồng Nai): Tính đến cuối quý 3/2025, khoảng 60% số lượng sản phẩm đã được bán (gần như đi ngang so với cuối năm 2024) và khoảng 50% đã bàn giao (gần như đi ngang QoQ), tương ứng khoảng 400 căn backlog chưa ghi nhận. DXG hiện đang triển khai bàn giao khoảng 116 căn theo hình thức bán lô lớn trong giai đoạn quý 4/2025 – quý 1/2026 (đã bàn giao khoảng 50 căn). Ban lãnh đạo dự kiến sẽ tái khởi động mở bán Gem Sky World trong nửa cuối năm 2026, phù hợp với thời điểm sân bay Long Thành dự kiến đi vào hoạt động, đồng thời kỳ vọng giá bán trung bình sẽ cao hơn so với mặt bằng hiện tại.

* **Các dự án trong danh mục triển khai trung hạn (2026–2027):** DXG sẽ chỉ triển khai mở bán sau khi hoàn tất toàn bộ các thủ tục pháp lý quan trọng (bao gồm nộp tiền sử dụng đất, giấy phép xây dựng và giấy phép bán hàng, ...). So với quý trước, công ty dự kiến sẽ đưa ra thị trường các dự án sau trong trung hạn: Đất Xanh Homes Park View (5 ha; TP. HCM; trước đây là Thuận An, Bình Dương), Ngọc Khánh (~1 ha; gần quốc lộ 13, TP. HCM), và Opal Luxury (~8,6 ha; trước đây là Dĩ An, TP. HCM). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VNM: Tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi hai chữ số được thúc đẩy bởi các thể mạnh bền vững mới - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

* Chúng tôi đã tham dự cuộc họp gặp gỡ nhà đầu tư của CTCP Sữa Việt Nam (VNM) vào Thứ Tư, ngày 5/11. Mặc dù ban lãnh đạo không công bố chi tiết đóng góp về doanh thu hay giá trị, họ đã công bố mức tăng trưởng doanh thu và các nhận định định tính khả quan. Tinh thần của cuộc họp do đó tích cực. Theo quan điểm của chúng tôi, mức tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi hai chữ số trong quý 3/2025 là một dấu hiệu sớm của việc tăng tốc tăng trưởng, phản ánh những nỗ lực tái cấu trúc công nghệ, nghiên cứu & phát triển (R&D), marketing và phân phối của Vinamilk trong vài năm qua.

*** Sản phẩm mới đầy hứa hẹn và ghi nhận kết quả tốt hơn kỳ vọng của Vinamilk**

- Theo ban lãnh đạo, VNM đã trở thành doanh nghiệp dẫn đầu thị trường sữa hạt trong vòng 3 năm với thị phần 42%.

- Doanh thu từ các sản phẩm được ra mắt sau năm 2023 tăng gấp 7 lần YoY trong 10T 2025 và gấp 12 lần YoY trong quý 3/2025.

- Doanh thu dòng sản phẩm mới Green Farm tăng 225% YoY trong 10T 2025. Đây là dòng sản phẩm chiến lược trọng điểm trong thời gian tới. Green Farm là sữa bò tươi tiệt trùng UHT cao cấp không chất bảo quản, không hormone tăng trưởng, với nhiều lựa chọn khác nhau (ít/không đường, hữu cơ, protein cao, A2 và yến sào).

- Chúng tôi lưu ý rằng trước đây, đối thủ của Vinamilk trong mảng sữa nước là TH True Milk đã dựa vào chiến lược cao cấp hóa này để giành thị phần.

- Tăng trưởng trong tương lai chủ yếu sẽ được thúc đẩy bởi sữa người lớn, sữa cao đậm và các sản phẩm chú trọng sức khỏe.

- Sữa bột người lớn hiện chiếm hơn 50% giá trị thị trường sữa bột Việt Nam. Vinamilk vừa hoàn thiện cải tiến bao bì dòng sản phẩm SURE, trong đó bao gồm Gold (dinh dưỡng cân bằng), Canxi (Canxi cho các vấn đề xương) và Diacernic (cho người tiểu đường).

- Trong mảng sữa bột người lớn, Vinamilk có kế hoạch tiếp tục nhắm vào phân khúc giá thấp hơn để thâm nhập vào tiêu dùng hàng ngày, so với mức giá cao hơn của các đối thủ.

- Sữa cao đậm là một danh mục chiến lược khác, hướng đến người trẻ, người lớn tuổi và phụ nữ mang thai.

- Nhu cầu thịt bò tươi từ kênh thương mại hiện đại, đặc biệt từ Winmart+, đã vượt quá tốc độ tăng công suất trang trại của Vinabeef.

*** Tối ưu hóa kỹ thuật và kênh bán hàng đa kênh giúp VNM tăng trưởng nhanh chóng và bền vững**

- Doanh thu kênh thương mại hiện đại chiếm 20% doanh số 9T 2025 và tăng 11% YoY.

- Vinamilk có kế hoạch tiếp tục mở rộng chuỗi cửa hàng bán lẻ từ 700 cửa hàng hiện tại. Các cửa hàng này đóng vai trò là nơi thử nghiệm sản phẩm mới cũng như là trung tâm giao hàng cho bán hàng trực tuyến.

- Vinamilk hiện sử dụng AI để xử lý hàng trăm nghìn hình ảnh giao hàng mỗi ngày và có thể triển khai phần mềm mới trong vòng vài ngày thay vì vài tháng như trước.

- Hệ thống bán hàng đến giao hàng được tinh giản giúp tiết kiệm 3 triệu USD/năm.

- Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý (SG&A)/doanh thu được dự kiến duy trì "ổn định" – ban lãnh đạo không đưa ra kế hoạch định lượng chi tiết hơn. Tỷ lệ SG&A/doanh thu quý 3/2025 của công ty đã cải thiện 40 điểm cơ bản YoY.

*** Ban lãnh đạo tỏ ra tự tin hơn về tâm lý người tiêu dùng và nhà bán lẻ**

- Ban lãnh đạo tin rằng những gián đoạn từ việc tuân thủ thuế nghiêm ngặt hơn đã kết thúc.
- Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy tác động kéo dài đối với các nhà bán lẻ nhỏ chưa sẵn sàng cho hóa đơn điện tử và việc bãi bỏ thuế khoán.
- Chương trình thuế thu nhập cá nhân mới dự kiến cắt giảm ít nhất 21 nghìn tỷ đồng/năm, thúc đẩy tâm lý người tiêu dùng.

*** Cơ hội tại thị trường Campuchia**

- Doanh số quý 3/2025 tăng mạnh 33% YoY từ mức nền cao, nhờ xuất khẩu (+47% YoY) và các công ty con (+17% YoY).
- Campuchia dẫn đầu tăng trưởng khi Vinamilk và Angkor Milk giành thị phần chủ yếu từ các thương hiệu Thái Lan.
- Trong khi căng thẳng Thái Lan-Campuchia vẫn còn bất định, Vinamilk và Angkor Milk đã kịp thời có thêm hình ảnh trong mắt người tiêu dùng và mạng lưới phân phối để cạnh tranh trong tương lai.

*** Lợi nhuận cốt lõi tăng trưởng hai chữ số trong quý 3/2025**

- Chúng tôi ước tính rằng, loại trừ tác động của bão Yagi trong quý 3/2024 và các khoản lỗ từ Miraka Holdings, LNST sau lợi ích CDTs của Vinamilk đã tăng trưởng ở mức 9%-10% YoY trong quý 3/2025.
- Bán cổ phần Miraka Holdings (doanh nghiệp nhỏ ở New Zealand đối diện nguy cơ thanh lý tài sản): VNM đã thận trọng trích lập dự phòng cho việc bán này, giả định giá trị thu hồi bằng không và ghi nhận khoản lỗ hơn 200 tỷ đồng trong quý 3/2025.
- Giá nguyên liệu quý 4/2025 duy trì ổn định so với quý 3/2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DCM: Triển vọng giá bán urê trung bình khả quan, tiếp tục chiến lược mở rộng theo chiều dọc - Báo cáo ĐHCĐ bất thường

*** Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ bất thường năm 2025 của CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM) và ghi nhận triển vọng tích cực**, được hỗ trợ bởi (1) KQKD 10 tháng đầu năm 2025 (10T 2025) khả quan, (2) triển vọng giá urê ổn định ở mức cao, và (3) chiến lược mở rộng theo chiều dọc dựa trên thế mạnh chuyên môn sâu của DCM trong ngành. Hiện chúng tôi có khuyến nghị MUA với giá mục tiêu là 46.600 đồng/cổ phiếu đối với DCM.

- Đại hội cổ đông đã thông qua (1) việc sửa đổi và bổ sung hợp đồng mua bán khí (GSA) PM3-CAA với GAS và (2) chuyển đổi mô hình hoạt động của DCM từ công ty cổ phần sang tập đoàn, nhằm phản ánh đúng cấu trúc công ty mẹ - công ty con hiện tại và hỗ trợ việc phát triển thêm các công ty con trong tương lai.

- Tổng giám đốc kỳ vọng sẽ duy trì mức cổ tức tiền mặt tối thiểu ở mức 2.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất 5,7%, đi ngang YoY), phù hợp với dự báo của chúng tôi.

*** LNTT sơ bộ 10T đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (tương đương 84% dự báo năm 2025 của chúng tôi), phù hợp với dự báo năm 2025 của chúng tôi.**

- KQKD 10T 2025: giá bán urê trung bình tăng 13% YoY (phù hợp với mức dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi là 12% YoY); giá khí đầu vào ở mức 8,8 USD/triệu BTU (xấp xỉ 100% dự báo năm 2025).

- KQKD ước tính năm 2025 của DCM: Doanh thu 16,8 nghìn tỷ đồng (+25% YoY, 108% dự báo năm 2025 của chúng tôi do sản lượng giao dịch tăng); LNTT thận trọng ở mức 1,9 nghìn tỷ đồng do doanh số urê quý 4/2025 có thể bị hoãn ghi nhận một phần sang đầu năm 2026 vì mưa lũ và bão khiến mùa vụ gieo trồng bị đẩy lùi 1,5–2 tháng. Điều này kéo theo rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo LNST năm 2025.

*** Ban lãnh đạo tái khẳng định triển vọng tích cực đối với giá urê quốc tế giai đoạn 2026–2027**, dao động trong khoảng từ 395–475 USD/tấn, qua đó cho thấy khả năng tăng nhẹ đối với mức dự báo 420 USD/tấn của chúng tôi.

*** Nguồn cung khí đầu vào đã được đảm bảo đầy đủ cho nhu cầu hiện tại và kế hoạch mở rộng công suất trong tương lai.** Hợp đồng GSA sửa đổi chủ yếu phản ánh việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ từ PVN sang GAS, giúp công ty linh hoạt hơn trong việc phân bổ nguồn khí. DCM cho biết cơ chế giá sẽ được giữ nguyên. Từ năm 2028, DCM sẽ tiếp nhận nguồn khí bổ sung từ các mỏ mới (Hoa Mai, Nam Du–U Minh, Khánh Mỹ–Đầm Dơi), cùng với việc gia hạn hợp đồng mua khí từ Petronas, qua đó đảm bảo việc có đủ nguồn nguyên liệu đầu vào để phục vụ hoạt động mở rộng sản xuất.

*** DCM tiếp tục theo đuổi chiến lược mở rộng theo chiều dọc dựa trên ba trụ cột chính, hướng đến mục tiêu tăng gấp đôi doanh thu lên mức 30 nghìn tỷ đồng vào năm 2030 (CAGR 17% trong giai đoạn 2024–2030):**

1) Phân bón (~20–23 nghìn tỷ đồng): Mở rộng chuỗi giá trị thông qua hoạt động đa dạng hóa sản phẩm, phát triển giải pháp dinh dưỡng và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

2) Hóa chất và khí công nghiệp (3–4 nghìn tỷ đồng): Thử nghiệm sản xuất CO₂ thực phẩm, với dự kiến sẽ thương mại hóa vào đầu năm 2026. Ngoài ra, công ty cũng tích cực nghiên cứu đầu tư vào các sản phẩm khí công nghiệp (Ar, N₂, CH₄, methanol, SOP).

3) Công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch (~10 nghìn tỷ đồng): Vận hành phòng thí nghiệm R&D về giống cây trồng, tiến tới việc sơ chế các loại cây nguyên liệu và chế biến theo tiêu chuẩn ESG, hướng đến thị trường Mỹ, Trung Quốc và EU. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

GVR: Kế hoạch lợi nhuận năm 2025 tăng mạnh nhờ giá bán cao su trung bình tăng - Báo cáo ĐHCĐ bất thường

- Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ bất thường của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) vào ngày 5/11/2025.

- Cổ đông đã thông qua các sửa đổi và/hoặc bổ sung đối với Điều lệ tổ chức và hoạt động của GVR.

- Cổ đông đã thông qua các sửa đổi và/hoặc bổ sung đối với Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát.

- Cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026, Ông Phạm Văn Hồi Em, và bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát mới, Ông Nguyễn Văn Cường.

- Cổ đông đã thông qua việc bổ nhiệm các thành viên mới của HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026, Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng và Ông Trương Minh Trung.

*** Kết quả sơ bộ 10 tháng đầu năm 2025 (10T 2025):** Ban lãnh đạo đã chia sẻ kết quả sơ bộ 10T 2025 của GVR với tổng thu nhập (bao gồm doanh thu, doanh thu tài chính và thu nhập khác) đạt 26,0 nghìn tỷ đồng, LNTT đạt 6,4 nghìn tỷ đồng, và LNST đạt 5,3 nghìn tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 83%, 103% và 101% so với dự báo cả năm của chúng tôi. **Đối với kế hoạch cả năm 2025**, ban lãnh đạo đặt mục tiêu tổng thu nhập đạt 32,0 nghìn tỷ đồng (+11% YoY) và LNTT đạt 6,9 nghìn tỷ đồng (+24% YoY), tương đương 107% và 111% so với dự báo của chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận giai đoạn 2025-2026F của chúng tôi cho GVR do giá bán cao su trung bình cao hơn dự kiến, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

*** Kế hoạch tăng trưởng sản lượng cao su bền vững đến năm 2026:** Về khối lượng cao su, công ty đặt mục tiêu tăng trưởng +7% YoY trong năm 2025 và +10% YoY trong năm 2026, hỗ trợ tăng trưởng doanh thu của mảng này. Mặc dù giá bán cao su trung bình của GVR trong 10T 2025 đang cao hơn khoảng 7 triệu đồng/tấn so với cùng kỳ (giá bán cao su trung bình năm 2024 là 44,05 triệu đồng/tấn), ban lãnh đạo cho biết giá bán cao su trung bình có thể đi ngang hoặc thấp hơn vào cuối năm do những bất ổn địa chính trị và thuế quan hiện tại.

*** Các KCN mới đang được chuẩn bị để bắt đầu cho thuê trong trung hạn:** Chính phủ đã cấp phép đầu tư tổng cộng khoảng 2.600 ha cho 5 KCN, hiện đang trong giai đoạn chuẩn bị và dự kiến bắt đầu cho thuê trong giai đoạn 2025–2026. Ngoài ra, danh mục KCN hiện tại của GVR với khoảng 4.250 ha trải rộng trên 14 KCN đã được lấp đầy. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

PC1: Mảng xây lắp điện ghi nhận đà phục hồi mạnh mẽ - Cập nhật

Ngành	Điện		2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	05/11/2025	TT Doanh thu	31,1%	23,2%	14,8%	21,9%
Giá hiện tại	24.150 VND	TT EPS	1189,5%	49,8%	24,6%	106,1%
Giá mục tiêu	31.100 VND	LNST-CĐTS báo cáo	468	700	873	1.799
Giá mục tiêu gần nhất	31.100 VND	TT LNST-CĐTS cốt lõi**	592,7%	32,6%	19,2%	98,6%
TL tăng	+28,8%	P/E báo cáo	19,9x	13,3x	10,7x	5,2x
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/B	1,6x	1,5x	1,3x	1,1x
Tổng mức sinh lời	+28,8%	EV/EBITDA	8,0x	7,1x	6,6x	4,8x
GT vốn hóa	8,6 nghìn tỷ đồng			PC1	VNI	
Room KN	3,2 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		16,1x	16,1x	
GTGD/ngày (30n)	63,4 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,4x	2,1x	
Cổ phần Nhà nước	0,0%	Nợ ròng/VCSH		86,1%	N/A	
SL cổ phiếu lưu hành	358 tr	ROA		2,5%	2,0%	
Pha loãng	358 tr	ROE		9,7%	13,3%	

** Điều chỉnh theo lợi nhuận bất thường

* Chúng tôi tiếp tục duy trì giá mục tiêu ở mức 31.100 đồng/cổ phiếu, nhưng nâng khuyến nghị từ KHẢ QUAN lên MUA đối với CTCP Tập Đoàn PC1 (PC1), do giá cổ phiếu của công ty đã giảm 8% trong 3 tháng qua.

* Chúng tôi quyết định giữ nguyên giá mục tiêu vì tác động tích cực của việc chúng tôi cập nhật mô hình định giá sang cuối năm 2026 đã bù đắp cho mức điều chỉnh giảm 3,7% đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2025–2029 của chúng tôi.

* Mức giảm của chúng tôi đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2025–29 (lần lượt thay đổi +26%/–7%/–5%/–9%/–3% cho từng năm trong giai đoạn) chủ yếu đến từ (1) mức giảm 18% của LNST sau lợi ích CĐTS mảng điện gió (lùi tiến độ mở rộng công suất 300 MW thêm một năm), (2) Mức giảm 8% đối với thu nhập từ công ty liên kết (do khoản lỗ phát sinh tại Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng, cộng thêm việc chi phí khấu hao tăng cao đã làm lu mờ phần lợi nhuận cải thiện từ Western Pacific). Các yếu tố trên làm giảm thiểu tác động tích cực từ (3) mức tăng 14% đối với lợi nhuận mảng niken.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 sẽ tăng 25%, nhờ được thúc đẩy bởi (1) mức tăng +61% YoY của lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện nhờ đà tăng trưởng của doanh thu cùng với (2) mức tăng +17% YoY của lợi nhuận gộp mảng niken (nhờ sự phục hồi của sản lượng, và sự gia tăng của giá bán trung bình).

* PC1 hiện sở hữu định giá khá hấp dẫn với P/E dự phóng năm 2026 ở mức 10,7 lần, thấp hơn khoảng 50% so với P/E trung bình 4 năm (PEG tương ứng là 0,2) dựa trên mức tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) EPS dự phóng giai đoạn 2026–2028 là 57%.

* **Rủi ro:** Lỗ tỷ giá cao hơn kỳ vọng dự kiến sẽ gây áp lực lên LNST báo cáo trong ngắn hạn.

PVD: Tích cực đầu tư giàn khoan, hoạt động thăm dò và khai thác trong nước thúc đẩy tăng trưởng - Cập nhật

Ngành	Dầu khí	(Triệu USD)	2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	05/11/2025	TT Doanh thu	52,2%	-2,2%	-2,3%	39,7%
Giá hiện tại	22.900 VND	LNST-CĐTS (1)	28,1	34,0	44,8	71,6
Giá mục tiêu	29.000 VND	LNST-CĐTS (2)	30,2	33,5	47,7	74,3
Giá mục tiêu gần nhất	24.900 VND	TT EPS (2)	28,6%	13,4%	45,3%	58,9%
TL tăng	+26,6%	P/E (1)	20,9x	16,8x	12,6x	7,7x
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/B	0,8x	0,7x	0,7x	0,6x
Tổng mức sinh lời	+26,6%	EV/EBITDA	6,2x	8,0x	5,7x	3,8x
		(1) Báo cáo; (2) Cốt lõi				
GT vốn hóa	12,2 nghìn tỷ đồng		PVD	Peers*	VNI	
Room KN	5,6 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)	16,6x	14,3x	16,1x	
GTGD/ngày (30n)	89,8 tỷ đồng	P/B	0,8x	0,8x	2,1x	
Cổ phần Nhà nước	50,4%	Nợ ròng/VCSH	12,1%	49,8%	N/A	
SL cổ phiếu lưu hành	556,3 tr	ROE	5,3%	2,8%	13,3%	
Pha loãng	556,3 tr	ROA	3,4%	1,0%	2,0%	
PEG 2 năm	0,3	* Các CT cùng ngành trong khu vực				

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 17% giá mục tiêu cho Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD), đạt mức 29.000 đồng/CP và nâng khuyến nghị từ PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG lên MUA. Việc nâng giá mục tiêu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 9% của tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi giai đoạn 2025–2029F (lần lượt thay đổi +9%/+7%/+12%/+10%/+9% cho từng năm trong giai đoạn này), và (2) tác động tích cực từ việc chúng tôi cập nhật giá mục tiêu đến cuối năm 2026.

* Mức tăng trong tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi đến từ: (1) Lợi nhuận gộp từ mảng dịch vụ liên quan đến giếng khoan tăng, phản ánh kết quả trong 9T 2025 khả quan; (2) giảm 1,7% trong chi phí hoạt động tiến mặt trung bình giai đoạn 2025–2029; (3) Tăng gấp đôi tỷ lệ sở hữu tại PVD IX; và (4) Kéo dài thời gian khấu hao cho các giàn PVD VIII và PVD IX lên 15 năm (từ mức 7 năm trước đây).

Các yếu tố này bù đắp cho mức giảm 1,4% trong giá thuê giàn khoan tự nâng (JU) trung bình trong giai đoạn 2025–2029.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi năm 2026 sẽ tăng mạnh 43% YoY, được thúc đẩy bởi: (1) Hiệu suất hoạt động của giàn JU phục hồi, (2) Giá thuê giàn JU trung bình tăng 2,4%, (3) Đóng góp cả năm từ giàn PVD VIII, (4) Mở rộng biên lợi nhuận nhờ chi phí khấu hao giảm của giàn PVD I, và (5) Tăng 10% lợi nhuận gộp từ mảng dịch vụ giếng khoan, được hỗ trợ bởi đà tăng trong vốn đầu tư hoạt động thăm dò & khai thác (E&P) trong nước.

* Chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giai đoạn 2026–2028 đạt 44%, được thúc đẩy bởi: giá thuê ngày tăng nhẹ, đóng góp từ PVD VIII (quý 4/2025) và PVD IX (2027), sự phục hồi trong mảng dịch vụ giếng khoan, và lợi nhuận từ các công ty liên doanh.

* PVD hiện có định giá hấp dẫn, với P/E báo cáo năm 2026 ở mức 12,6 lần (tương ứng PEG 0,3) và P/B dự phóng năm 2025 ở mức 0,7 lần.

* **Yếu tố hỗ trợ:** PVD IX có thể đi vào hoạt động sớm hơn dự kiến, có thể là từ tháng 4/2026.

* **Rủi ro:** Lỗ tỷ giá từ các khoản nợ vay bằng đồng USD; giá thuê giàn khoan thấp hơn kỳ vọng.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	89	0,0	16.800	25.500	52%	0,0%	52%	KQ	17/01/25	20,2	11,3	14,5	1,4
IDC	KCN	32%	557	4,7	38.600	56.100	45%	5,2%	51%	MUA	15/08/25	9,4	7,5	21,6	2,2
NVL	Bất động sản	42%	1.070	11,7	13.750	20.000	45%	0,0%	45%	MUA	01/10/25	-36,6	76,8	21,6	0,7
VGC	KCN	43%	799	2,7	46.900	64.100	37%	4,7%	41%	MUA	21/10/25	19,3	13,4	16,5	2,3
SZC	KCN	18%	211	1,0	30.850	42.400	37%	3,2%	41%	KQ	01/07/25	19,1	15,8	21,6	1,8
NLG	Bất động sản	5%	693	6,4	37.600	51.600	37%	1,3%	39%	MUA	14/08/25	21,7	26,1	21,6	1,9
HPG	VLXD	27%	7.673	52,7	26.300	35.300	34%	3,0%	37%	MUA	14/08/25	12,6	9,4	15,1	1,6
DXS	Bất động sản	29%	227	1,3	10.300	14.100	37%	0,0%	37%	KQ	29/08/25	14,5	12,0	21,6	0,9
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.252	1,3	46.200	58.000	26%	10,8%	36%	MUA	10/09/25	13,7	13,0	14,2	2,6
DGC	Công nghiệp	34%	1.371	6,3	95.000	126.000	33%	3,2%	36%	MUA	25/07/25	11,4	9,5	14,5	2,3
SIP	KCN	44%	514	1,0	55.900	73.900	32%	3,6%	36%	MUA	18/06/25	12,1	11,3	21,6	2,7
ACV	Hàng không	46%	7.491	1,5	54.900	74.300	35%	0,0%	35%	KQ	13/08/25	16,7	14,7	14,0	3,0
DCM	Phân bón	44%	723	4,2	35.950	46.600	30%	5,6%	35%	MUA	17/09/25	10,2	8,2	14,5	1,8
KDH	Bất động sản	14%	1.491	12,2	34.950	47.100	35%	0,0%	35%	MUA	22/08/25	41,1	34,6	21,6	2,2
SCS	DV Hàng không	14%	198	0,7	54.900	67.000	22%	10,9%	33%	KQ	29/05/25	7,6	7,4	19,7	3,3
PVS	Dầu khí	34%	619	5,2	34.100	45.000	32%	0,0%	32%	MUA	27/10/25	16,6	13,9	19,7	1,1
BMI	Bảo hiểm	19%	117	0,3	20.400	26.200	28%	2,5%	31%	MUA	12/04/24	8,3	7,1	14,9	1,1
ACG	Gỗ	11%	208	0,0	36.350	45.800	26%	4,7%	31%	MUA	15/07/25	10,0	9,1	15,1	1,3
DXG	Bất động sản	26%	778	23,1	20.100	26.000	29%	0,0%	29%	KQ	29/08/25	80,1	45,6	21,6	1,6
DPG	Điện & Nước	41%	166	3,2	43.450	55.200	27%	2,3%	29%	MUA	04/09/25	12,8	5,7	16,5	2,1
VPB	Ngân hàng	6%	8.820	45,1	29.250	37.000	26%	1,7%	28%	PHTT	21/08/25	12,2	9,4	10,7	1,5
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.607	9,8	58.000	70.300	21%	6,9%	28%	MUA	24/04/25	14,5	13,8	14,2	3,6
VCB	Ngân hàng	8%	19.309	12,9	60.800	77.600	28%	0,0%	28%	MUA	25/08/25	15,1	12,8	10,7	2,3
TV2	Điện & Nước	5%	90	0,3	35.200	43.900	25%	2,8%	28%	MUA	18/09/25	55,6	14,0	14,0	1,9
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	630	0,3	45.100	53.400	18%	8,9%	27%	KQ	30/08/24	6,5	6,5	14,2	1,7

MWG	Bán lẻ	1%	4.507	31,5	80.200	101.000	26%	1,2%	27%	MUA	14/10/25	18,1	14,1	13,7	3,8
MBB	Ngân hàng	0%	7.317	39,2	23.900	30.000	26%	1,3%	27%	KQ	25/08/25	7,4	6,1	10,7	1,5
TLG	Văn phòng phẩm	85%	174	0,3	52.300	62.800	20%	6,7%	27%	MUA	12/09/25	9,6	8,4	11,8	1,8
QTP	Điện & Nước	48%	220	0,1	12.800	15.000	17%	9,4%	27%	MUA	02/06/25	9,8	9,1	13,2	1,1
PC1	Điện & Nước	33%	334	2,9	24.600	31.100	26%	0,0%	26%	KQ	05/08/25	17,1	10,1	16,5	1,5
MSN	Bán lẻ	24%	4.408	48,9	80.200	101.200	26%	0,0%	26%	MUA	21/05/25	42,6	27,3	14,0	3,4
ACB	Ngân hàng	0%	4.998	17,4	25.600	31.200	22%	3,9%	26%	MUA	18/08/25	7,4	6,1	10,7	1,4
PPC	Điện & Nước	40%	126	0,1	10.350	12.400	20%	5,8%	26%	PHTT	02/06/25	14,3	6,3	13,2	0,7
PHR	Công nghiệp	34%	283	0,5	54.900	67.400	23%	2,5%	25%	KQ	25/06/25	15,1	10,2	14,5	1,9
GAS	Dầu khí	47%	5.778	1,6	63.000	76.100	21%	4,0%	25%	KQ	13/08/25	12,7	11,9	13,2	2,3
TCB	Ngân hàng	0%	9.184	32,9	34.100	40.800	20%	2,9%	23%	KQ	11/08/25	9,6	7,9	10,7	1,5
HDG	Điện & Nước	31%	435	5,8	30.900	37.700	22%	0,0%	22%	MUA	11/09/25	15,8	10,0	21,6	1,8
PLC	Dầu khí	48%	83	0,3	27.000	31.900	18%	3,7%	22%	MUA	12/09/25	17,3	8,6	14,5	1,7
REE	Điện & Nước	0%	1.342	1,1	65.200	78.200	20%	1,5%	21%	MUA	03/11/25	13,5	11,2	14,0	1,7
DPM	Phân bón	42%	643	4,0	24.900	29.000	16%	4,8%	21%	KQ	17/09/25	18,8	13,6	14,5	1,5
NT2	Điện & Nước	37%	264	1,4	24.100	27.200	13%	8,3%	21%	MUA	21/10/25	8,9	8,0	13,2	1,5
DGW	Bán lẻ	30%	335	2,4	39.800	47.400	19%	1,3%	20%	PHTT	23/07/25	16,3	12,3	13,7	2,7
PLX	Xăng dầu	3%	1.700	2,0	35.200	41.100	17%	3,4%	20%	MUA	13/10/25	19,6	15,3	19,7	1,7
SSI	Chứng khoán	66%	2.754	67,5	34.900	40.800	17%	2,9%	20%	KQ	27/08/25	18,2	14,0	20,0	2,3
KBC	KCN	31%	1.256	9,3	35.100	41.500	18%	0,0%	18%	MUA	11/08/25	18,6	11,5	21,6	1,4
DHC	Công nghiệp	13%	125	0,4	34.050	39.100	15%	3,2%	18%	MUA	21/08/25	10,2	9,2	15,1	1,5
PNJ	Bán lẻ	0%	1.185	3,8	91.400	105.900	16%	2,2%	18%	MUA	14/08/25	15,5	14,1	11,8	2,6
FPT	CNTT	8%	6.533	49,6	100.900	116.600	16%	2,3%	18%	MUA	22/10/25	18,8	16,4	15,3	4,8
PVT	Dầu khí	39%	322	1,5	18.000	21.200	18%	0,0%	18%	KQ	13/08/25	8,6	7,1	14,0	1,0
HVN	Hàng không	21%	3.749	1,3	31.700	37.100	17%	0,0%	17%	KQ	22/07/25	8,2	11,4	19,7	17,6
CTG	Ngân hàng	3%	10.471	22,5	51.300	60.000	17%	0,0%	17%	MUA	18/08/25	10,4	8,7	10,7	1,6
AST	DV Hàng không	5%	123	0,0	72.000	80.600	12%	4,9%	17%	MUA	26/08/25	14,9	12,5	13,7	5,0
STB	Ngân hàng	9%	3.833	19,4	53.500	62.400	17%	0,0%	17%	KQ	25/08/25	7,9	4,2	10,7	1,6
GEX	Điện & Nước	42%	1.554	47,0	45.300	52.300	15%	1,1%	17%	PHTT	21/08/25	26,9	23,5	14,0	2,5

OIL	Dầu khí	1%	431	0,3	11.000	12.700	15%	0,9%	16%	KQ	17/10/25	137,5	24,3	19,7	1,1
BID	Ngân hàng	12%	10.315	5,9	38.650	44.800	16%	0,0%	16%	MUA	26/05/25	11,7	10,9	10,7	1,7
BWE	Điện & Nước	39%	393	0,4	47.050	53.100	13%	2,8%	16%	KQ	11/08/25	15,5	11,0	13,2	1,8
FRT	Bán lẻ	16%	926	4,7	143.000	165.300	16%	0,0%	16%	MUA	03/09/25	34,2	21,0	13,7	7,9
CTR	CNTT	40%	393	2,4	90.500	100.400	11%	2,2%	13%	KQ	12/09/25	23,4	20,2	16,5	4,8
HDB	Ngân hàng	1%	4.555	34,0	31.050	34.000	10%	3,2%	13%	KQ	08/09/25	6,7	5,7	10,7	1,8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	501	2,5	58.700	63.500	8%	3,4%	12%	KQ	13/10/25	9,8	8,8	14,2	1,4
VIB	Ngân hàng	0%	2.426	7,0	18.750	20.800	11%	0,0%	11%	KQ	23/05/25	7,2	6,3	10,7	1,4
GVR	Công nghiệp	12%	4.417	3,1	29.050	31.200	7%	1,4%	9%	PHTT	04/07/25	27,1	24,4	14,5	2,0
TDM	Điện & Nước	48%	239	0,4	56.500	58.600	4%	2,5%	6%	PHTT	11/08/25	31,0	22,3	13,2	2,4
BVH	Bảo hiểm	22%	1.538	0,9	54.500	56.900	4%	1,7%	6%	KQ	26/05/25	15,4	12,9	14,9	1,7
PVD	Dầu khí	43%	512	4,9	24.250	24.900	3%	2,1%	5%	KQ	11/08/25	18,9	14,2	19,7	0,8
PTB	Công nghiệp	12%	132	0,6	51.800	52.000	0%	4,1%	4%	KQ	06/10/25	9,2	9,0	15,1	1,1
GMD	GTVT	9%	1.086	7,9	67.000	65.700	-2%	3,3%	1%	KQ	31/07/25	20,3	20,8	14,0	2,3
POW	Điện & Nước	45%	1.308	4,3	14.700	14.800	1%	0,0%	1%	KQ	02/06/25	27,5	18,4	13,2	1,0
BMP	VLXD	14%	532	1,0	171.000	155.400	-9%	8,5%	-1%	KQ	04/09/25	11,5	11,8	16,5	4,5
VHM	Bất động sản	39%	15.549	37,4	99.600	98.700	-1%	0,0%	-1%	PHTT	29/08/25	11,6	11,1	21,6	1,9
TPB	Ngân hàng	7%	1.782	13,5	16.900	16.500	-2%	0,0%	-2%	MUA	27/05/25	6,8	6,2	10,7	1,2
VRE	Bất động sản	31%	2.807	25,7	32.500	31.300	-4%	0,0%	-4%	PHTT	29/08/25	16,4	14,9	21,6	1,6
HDC	Bất động sản	46%	221	8,4	32.650	30.400	-7%	0,0%	-7%	KQ	21/03/25	34,0	19,6	21,6	2,0
VEA	Ô-tô	47%	2.117	0,7	41.800	30.800	-26%	11,5%	-15%	PHTT	28/10/25	7,3	7,8	14,0	1,8
HSG	VLXD	41%	404	3,7	17.100	13.500	-21%	2,9%	-18%	PHTT	18/04/25	21,4	18,1	15,1	0,9
NKG	VLXD	45%	288	6,5	16.950	13.100	-23%	0,0%	-23%	PHTT	18/04/25	17,7	13,1	15,1	1,0
BSR	Lọc hóa dầu	49%	3.197	9,2	16.800	12.400	-26%	0,0%	-26%	BÁN	28/08/25	28,3	21,4	19,7	1,5
VTP	GTVT	43%	509	5,7	110.000	69.000	-37%	1,4%	-36%	PHTT	06/09/24	37,9	32,3	14,0	7,7
VIC	Bất động sản	40%	30.241	48,2	206.500	127.900	-38%	0,0%	-38%	PHTT	29/08/25	59,7	58,1	21,6	5,5
VJC	Hàng không	18%	4.149	24,5	184.500	114.000	-38%	0,0%	-38%	KQ	15/03/24	26,6	20,7	19,7	4,5
LPB	Ngân hàng	4%	5.847	6,4	51.500	29.800	-42%	0,0%	-42%	BÁN	18/08/25	15,1	14,9	10,7	3,5

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKO: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	36	93.107	2.586	12	16,3	13,6	11,4	16,8	2,0	25,1	15,3	14,3	2,3	3,0%
KHẢ QUAN	31	61.999	2.000	10	11,9	10,7	8,9	12,4	1,9	22,9	21,0	13,3	2,5	2,4%
PHÙ HỢP TT	13	67.406	5.185	4	22,8	20,2	18,3	17,3	2,5	24,0	23,1	19,5	2,5	2,3%
KÉM KHẢ QUAN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
BÁN	2	9.045	4.522	0	23,2	18,1	16,7	11,5	2,4	49,5	21,7	18,1	2,5	0,0%
TỔNG CỘNG	82	231.557	2.824	26	16,2	14,1	11,9	15,2	2,1	24,7	18,9	14,9	2,4	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	88.858	7.405	11	11,7	10,3	8,4	12,0	1,7	11,2	9,8	8,3	1,8	1,1%
Bảo hiểm	2	1.654	827	1	18,2	14,5	12,2	15,4	1,6	15,7	11,8	10,0	1,4	2,1%
Chứng khoán	1	2.754	2.754	1	27,9	18,2	14,0	21,3	2,3	27,9	18,2	14,0	2,3	2,9%
Tiêu dùng	13	28.568	2.198	5	18,3	16,0	14,2	18,8	3,2	24,0	17,7	14,1	3,3	4,4%
Bất động sản	9	53.078	5.898	2	33,5	25,4	23,6	20,6	2,8	41,1	26,9	33,2	2,0	0,1%
Vật liệu	4	8.897	2.224	1	17,1	12,9	9,8	16,4	1,6	16,4	15,8	13,1	2,0	3,6%
Điện & Nước	12	6.472	539	1	22,6	18,0	13,1	20,5	1,6	30,3	20,7	12,5	1,7	3,0%
Dầu khí	10	14.009	1.401	2	19,7	16,1	13,5	17,6	1,7	30,3	28,9	13,9	1,5	2,4%
Công nghiệp	5	1.926	385	0	13,2	11,2	9,5	14,5	1,9	17,1	12,2	9,6	1,5	3,0%
Khu công nghiệp	7	8.037	1.148	1	22,8	19,9	15,8	23,4	1,9	25,4	17,2	13,5	2,0	2,9%
GTVT & Logistics	7	17.305	2.472	1	13,0	14,9	15,1	16,2	4,0	22,1	18,9	17,1	6,2	2,9%
TỔNG CỘNG	82	231.557	2.824	26	16,2	14,1	11,9	15,2	2,1	24,7	18,9	14,9	2,4	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q3 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 9T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	5%	8%	MUA		Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện; sự phục hồi của doanh số bán lẻ dự kiến sẽ thúc đẩy sự phục hồi của NIM
BID	6%	3%	MUA		Tăng trưởng tín dụng khiêm tốn trong quý 3 với NIM vẫn chịu áp lực
CTG	51%	18%	MUA		KQKD xuất sắc với chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện tích cực, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	17%	26%	KQ		NII thấp hơn kỳ vọng; chất lượng tài sản suy giảm
LPB	9%	10%	BÁN		KQKD phù hợp kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng tốt, NIM tiếp tục phục hồi, và chất lượng tài sản ổn định.
MBB	10%	13%	KQ		Doanh thu tiếp tục tăng trưởng mạnh mặc dù nợ xấu nhích tăng so với quý trước
STB	37%	27%	MUA		Đã ghi nhận phần lớn khoản thu từ việc bán nợ tại dự án Phong Phú; tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng mạnh
TCB	2%	17%	KQ		KQKD vững chắc trên mọi phương diện và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
TPB	11%	9%	MUA		NIM tiếp tục chịu áp lực
VCB	5%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng tốt trong quý 3 nhưng NIM vẫn chịu áp lực
VIB	7%	9%	KQ		Mảng cho vay bán lẻ duy trì ở mức yếu; chất lượng tài sản cải thiện
VPB	44%	21%	PHTT		Lợi nhuận vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và đóng góp tích cực từ VPBankS.
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	33%	50%	MUA		Lợi nhuận quý 3 năm 2025 phục hồi nhờ cải thiện tỷ lệ kết hợp và thu nhập từ đầu tư.
BVH	37%	23%	KQ		Mảng bảo hiểm nhân thọ thúc đẩy KQKD khả quan trong quý 3
SSI	37%	13%	MUA		Tiếp tục mở rộng thị phần môi giới chứng khoán
Tiêu dùng					
CTR		9%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 16%, dẫn dắt bởi mảng hạ tầng cho thuê và dịch vụ giải pháp năng lượng mặt trời
DGW	28%	23%	PHTT		Doanh thu tăng trưởng ở tất cả mảng kinh doanh, ngoại trừ mảng điện thoại di động; thấp hơn kỳ vọng
FPT	19%	16%	KQ	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 9T 2025 tăng 19% YoY; đã phục hồi trong doanh thu ký mới mảng CNTT nước ngoài tiếp tục duy trì trong tháng 9
FRT	145%	124%	MUA		Long Châu duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ; FPT Shop đảo chiều có lãi ròng trong quý 3/2025
MSN (2)	72%	122%	MUA		Các mảng chính đều đã có lãi, biên lợi nhuận của WCM cải thiện dù mở rộng nhanh
MWG	73%	75%	MUA	MUA	Doanh số mảng điện tử tăng tốc, lợi nhuận mảng tạp hóa cải thiện

PNJ	17%	-5%	MUA		Doanh thu bán lẻ quý 3/2025 tăng 4% YoY, trong khi LNST tăng mạnh 130% YoY từ mức nền thấp; vượt kỳ vọng
QNS	25%	0%	KQ		Mảng sửa đầu nành tiếp tục ghi nhận KQKD khả quan trong khi mảng đường giảm từ mức nền cao
SAB		3%	MUA		Biên lợi nhuận cải thiện mạnh dù sản lượng bia đang chịu áp lực
TLG	11%	3%	MUA		Lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi chi phí SG&A dù doanh thu quý 3 tăng mạnh YoY
VEA		5%	PHTT		Duy trì tăng trưởng lợi nhuận giữa bối cảnh thách thức gia tăng
VHC		10%	MUA	KQ	Tăng trưởng xuất khẩu phi lê đông lạnh đi ngang trong quý 3 do doanh thu thị trường EU tăng bù đắp cho đà giảm tại thị trường Mỹ
VNM	-10%	6%	MUA		Doanh số trong nước phục hồi trong 2 quý liên tiếp, biên lợi nhuận bắt đầu cải thiện
GTVT & Logistics					
ACV	5%	-14%	KQ		Tăng trưởng sản lượng hành khách vững chắc và gánh nặng tỷ giá giảm thúc đẩy lợi nhuận tăng mạnh trong quý 3
AST	75%	51%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS tăng +78% YoY nhờ đóng góp trọn quý đầu tiên của nhà ga T3 TSN và việc chuyển các khoản lỗ tính thuế; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
GMD (2)	10%	-6%	KQ		Lợi nhuận cốt lõi giảm QoQ và YoY do biên lợi nhuận gộp giảm từ nền cao và chi phí tăng mạnh, mặc dù doanh thu tăng vượt kỳ vọng
HVN	15%	13%	PHTT		Lỗi tỷ giá tăng ảnh hưởng lợi nhuận; thoát âm vốn chủ sở hữu
SCS	8%	-1%	KQ		KQKD quý 3 vượt kỳ vọng nhờ ghi nhận thông lượng hàng hóa quốc tế và giá dịch vụ trung bình ở mức cao
VJC	15%	6%	KQ		Mảng vận tải quốc tế dẫn dắt tăng trưởng
VTP		15%	PHTT		Thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến hoạt động mảng dịch vụ, gây áp lực lên lợi nhuận của quý 3/2025
Bất động sản					
DXG	134%	-13%	KQ		Lợi nhuận trong 9T 2025 tăng trưởng phù hợp kỳ vọng của chúng tôi, được hỗ trợ bởi mảng môi giới phục hồi
DXS	220%	224%	KQ		Mức tăng mạnh của mảng môi giới thúc đẩy đà tăng trưởng của lợi nhuận trong quý 3/2025
HDC	781%	145%	KQ		Ghi nhận phần lớn lợi nhuận từ việc chuyển nhượng cổ phần dự án Đại Dương trong quý 3
NVL	N.M.	N.M.	MUA		Lợi nhuận từ HĐKD và lỗ ròng quý 3 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng; đẩy mạnh thi công sẽ hỗ trợ bàn giao BĐS trong quý 4
KDH	35%	17%	MUA		Dự án Gladia thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận quý 3/2025; kết quả lợi nhuận và doanh số bán hàng vượt kỳ vọng
NLG	2137%	35%	MUA		Dự án Southgate thúc đẩy đà tăng trưởng YoY của lợi nhuận và doanh số bán hàng trong quý 3
VHM	-22%	17%	PHTT		Doanh số bán hàng trong 9T vượt dự báo cả năm nhờ doanh số bán lô lớn tích cực tại dự án Green Paradise trong quý 3; lợi nhuận 9T phù hợp với kỳ vọng

VIC	-31%	8%	PHTT	Lợi nhuận mảng BĐS và khách sạn nghỉ dưỡng phù hợp kỳ vọng; khoản lãi từ chuyển nhượng vốn Novatech bù đắp cho khoản lỗ HĐKD cao hơn dự kiến của mảng công nghiệp trong quý 3/2025
VRE	26%	10%	PHTT	Mảng cho thuê bán lẻ tăng trưởng ổn định, thu nhập tài chính và thu nhập khác ghi nhận ở mức cao, thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T 2025
Khu công nghiệp				
GVR	106%	8%	PHTT	Giá bán trung bình của cao su tăng, thu nhập ròng khác ở mức cao thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong 9T 2025
IDC	-10%	-21%	MUA	Mảng BĐS KCN tốt hơn kỳ vọng thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong quý 3/2025
KBC	325%	280%	MUA	Bàn giao đất theo tiến độ tại KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh thúc đẩy lợi nhuận quý 3 tăng mạnh
PHR	35%	19%	KQ	Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA	Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	7%	4%	KQ	KQKD quý 3 kém khả quan do ghi nhận doanh thu từ BĐS KCN và BĐS nhà ở chỉ ở mức thấp
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)	-16%	-5%	MUA	KQKD quý 3 thấp hơn kỳ vọng nhẹ do biên lợi nhuận gộp trong nước thấp và chi phí SG&A; một phần được bù đắp bởi doanh thu trong nước cao
BMP	27%	24%	KQ	Lợi nhuận quý 3 đạt kỳ lục nhờ chiết khấu thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và chi phí đầu vào thấp; vượt kỳ vọng
DGC	7%	14%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T 2025 tăng 7% YoY, phù hợp với dự báo; sản lượng quý 3 tăng bù đắp một phần cho giá bán trung bình giảm QoQ
DHC	34%	34%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 29% YoY nhờ giá giấy tăng mạnh
HPG	26%	35%	MUA	Lợi nhuận quý 3 tăng mạnh so với cùng kỳ, giảm so với quý trước từ mức nền cao
HSG (1)	36%	-2%	PHTT	Lợi nhuận quý 4 đảo chiều so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn yếu hơn so với cùng kỳ quý trước
NKG	-64%	-26%	PHTT	Lợi nhuận cốt lõi quý 3 phục hồi QoQ nhờ cắt giảm chi phí, nhưng giảm 24% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm
PTB	34%	10%	KQ	LNST tăng mạnh 65% YoY; mảng đá khả quan, bù đắp cho tác động thuế quan của mảng gỗ
STK	44%	386%	KQ	Lỗi tỷ giá tiếp tục ăn mòn kết quả quý 3, song việc tái cấp vốn khoản vay USD sang VND dự kiến giúp giảm rủi ro tỷ giá trong tương lai
Điện & Nước				
BWE (2)	44%	14%	KQ	LNST quý 3 khả quan, ghi nhận lãi thoái vốn
GEX	44%	-6%	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo quý 3 tăng gấp 6 lần YoY, LNST 9T tăng 44% YoY
HDG	0%	115%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3 tăng gấp đôi nhờ mảng thủy điện vượt kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh tăng

NT2	6703%	875%	MUA	MUA	LNST quý 3 đạt mức cao kỷ lục trong 4 năm qua - tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt
PC1	24%	19%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 gần như tăng gấp đôi nhờ mảng xây lắp điện tăng trưởng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt
POW	74%	30%	KQ		LNST quý 3 tăng gấp đôi YoY, LNST báo cáo 9T 2025 hoàn thành 141% dự báo cả năm, tiềm năng tăng dự báo
PPC	-82%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS 9 tháng giảm 81% YoY do sản lượng thấp đi kèm với chênh lệch giá thu hẹp, thấp hơn kỳ vọng
QTP	-15%	-5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS trong 9T giảm 15% YoY do sản lượng và chênh lệch giá giảm nhẹ; thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng
REE	45%	29%	PHTT		Mảng thủy điện vượt trội so với kỳ vọng, thúc đẩy tăng trưởng LNST
TDM (2)	-54%	-57%	PHTT		Sản lượng Q3 2025 yếu, M&A Biwase Can Tho
TV2	-11%	4%	MUA		Mức lợi nhuận cao từ công ty liên kết thúc đẩy LNST quý 3
DPG	66%	52%	MUA		Sản lượng thủy điện đạt mức cao, thúc đẩy LNST trong 9T/2025, phù hợp với dự báo
VGC	50%	3%	PHTT	MUA	Lượng bàn giao đất KCN thấp hơn dự kiến, mảng VLXD trên đà phục hồi, rủi ro điều chỉnh giảm dự báo
Dầu khí					
BSR	201%	370%	BÁN		Sự phục hồi của KQKD trong quý 3 thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận 9 tháng đầu năm, phù hợp với dự báo
DCM (2)	45%	44%	MUA		LNST gần như tăng gấp ba trong quý 3 nhờ mảng urê tăng mạnh
DPM	51%	101%	KQ		LNST tăng gấp 3.8 lần YoY nhờ sự gia tăng của giá bán trung bình và sự sụt giảm của chi phí khí đầu vào
GAS	19%	17%	KQ		LNST cốt lõi quý 3 giảm do giá LPG/giá FO ở mức thấp, phù hợp dự báo
OIL (2)	-13%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 3 tăng gấp 4 lần nhờ mức tăng trưởng 12% của sản lượng bán hàng và sự cải thiện của biên lợi nhuận mảng dịch vụ; phù hợp với kỳ vọng
PLX (2)	-9%	-5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp 10 lần YoY nhờ mức tăng 11% của sản lượng bán hàng; phù hợp với kỳ vọng
PLC	331%	193%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 9T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ kết quả tích cực ở tất cả các mảng kinh doanh; tiềm năng tăng nhẹ dự báo
PVD (2)	7%	4%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo trong 9T tăng 36% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	100%	62%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 3 tăng gấp đôi YoY nhờ doanh thu và thu nhập tài chính ròng tăng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PVT (2)	-9%	3%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi trong 9T giảm 9% do thị trường tàu chở dầu kém khả quan; phù hợp với dự báo

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của tổng EPS quý 2-quý 4/năm tài chính 2025. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.654,9	2,9
VN 30	1.886,5	-11,2
VN Mid	2.323,3	-22,1
VNSmall	1.526,9	-15,6

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	266,7	0,8
HNX30	575,7	0,9
VNX Allshare	2.830,5	-15,2

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	116,5	1,2

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	1.710,4	8,5%
Khối ngoại mua	2.308,0	11,4%
Khối ngoại bán	3.116,0	15,4%
Tổng giao dịch	20.211,3	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	75,8	3,8%
Khối ngoại mua	225,6	11,4%
Khối ngoại bán	180,0	9,1%
Tổng giao dịch	1.973,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	15,9	2,5%
Khối ngoại mua	10,2	1,6%
Khối ngoại bán	121,3	19,4%
Tổng giao dịch	625,3	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVD	1.350	5,9%
DPM	1.200	5,1%
GAS	2.500	4,1%
PVT	700	4,1%
HVN	1.050	3,4%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PTI	3.000	7,7%
PVC	800	7,5%
PVS	1.900	5,9%
KSF	4.400	5,4%
PVB	1.100	3,6%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DDV	1.228	4,2%
CTX	468	3,1%
KLB	405	2,6%
G36	198	2,4%
ABB	197	1,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VSC	-1.350	-5,9%
KHG	-500	-5,8%
TDP	-1.850	-5,5%
CII	-950	-4,0%
GEX	-1.850	-3,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TVC	-600	-5,2%
NRC	-200	-3,1%
MBS	-800	-2,6%
DTD	-500	-2,6%
BVS	-900	-2,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
ECO	-1.070	-3,5%
ICN	-491	-1,3%
HLB	-1.970	-0,5%
FOX	-166	-0,3%
BTH	-117	-0,2%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
FPT	1.348
SSI	1.065
VIX	903
PVD	781
MSN	710

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
PVS	577
SHS	434
CEO	303
HUT	172
MBS	70

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MCH	236
ACV	55
VGI	51
VEA	50
DDV	40

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PVD	32.501.867	6.054.063
ICT	469.152	106.481
PVT	6.403.454	2.235.888
PLX	4.305.744	1.524.620
DPM	12.087.812	4.396.508
PVP	262.832	99.443
GAS	1.686.244	681.362
PAN	2.490.988	1.033.963
CDC	2.063.553	896.842
BMI	993.308	444.187

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
PVB	711.853	89.360
BNA	1.165.749	149.883
PVC	3.741.607	953.834
PVS	16.701.406	4.370.538
VHE	1.283.952	418.670
AAV	1.115.725	402.781
LAS	699.579	266.852
VTV	431.036	178.162
TDT	126.601	71.280
NAG	1.196.126	847.563

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BTH	176.573	57.499
AVG	276.450	180.229
ACV	1.007.835	743.391
AFX	311.810	238.510
KVC	382.349	301.383
DRI	565.012	454.258
CLX	83.683	70.036
HVA	80.700	79.290
FOX	97.685	99.477
CTX	120.900	123.574

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.490,4		16,7	2,1	13,2
SSI	2.752,7	65,8	18,5	2,3	13,1
VIX	1.574,0	89,7	9,8	2,1	24,1
VND	1.153,9	86,6	15,7	1,5	9,7
VCI	1.025,5	70,5	23,5	2,1	8,8
HCM	945,8	10,4	16,0	2,3	10,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	555,0		12,9	1,7	13,7
BVH	1.537,2	21,9	15,2	1,7	11,3
PVI	701,3	42,4	15,3	2,1	14,4
PTI	192,4	62,5	16,8	2,0	12,1
BIC	188,5	3,6	8,7	1,6	18,6
VNR	155,5	22,4	8,7	1,0	11,9

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.152,1		19,6	4,0	23,8
ACV	7.488,6	45,7	18,5	3,0	16,8
GEE	2.412,7	49,8	19,1	8,5	48,1
MVN	2.189,4	0,0	33,4	4,2	13,2
VEA	2.116,5	47,4	7,3	1,8	26,9
GEX	1.553,2	41,6	19,6	2,5	14,1

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	4.014,8		20,4	5,0	24,5
MCH	7.626,3	33,5	24,6	12,6	46,8
VNM	4.605,7	51,6	13,9	3,6	26,4
MSN	4.406,0	24,4	36,5	3,4	10,5
SAB	2.251,4	40,9	13,7	2,6	18,9
PNJ	1.184,7	0,2	13,2	2,6	20,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.291,5		22,5	1,2	6,7
BSR	3.196,3	48,8	40,7	1,5	3,7
PLX	1.699,3	2,8	16,8	1,7	10,3
PVS	619,3	34,0	11,2	1,1	10,4
PVD	512,2	42,8	15,1	0,8	5,5
OIL	430,6	0,7	28,6	1,1	3,8

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.985,4		18,5	4,1	12,4
GAS	5.775,9	47,2	12,6	2,3	18,9
REE	1.341,8	0,0	13,7	1,7	13,2
POW	1.308,0	45,4	18,1	1,0	5,8
PGV	851,6	50,0	31,3	1,5	4,9
DNH	649,7	0,0	16,8	14,1	19,3

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	10.832,0		31,6	3,7	14,3
VIC	30.230,9	40,3	90,3	5,5	6,2
VHM	15.543,8	38,8	16,2	1,9	12,7
KSF	2.936,7	50,0	17,7	6,5	23,4
VRE	2.806,0	30,8	15,2	1,6	11,1
BCM	2.642,7	32,0	18,8	3,2	18,0

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.615,9		11,0	1,7	16,7
VCB	19.302,6	7,9	14,5	2,3	16,8
CTG	10.467,0	3,0	8,3	1,6	21,1
BID	10.311,0	12,4	10,2	1,7	17,3
TCB	9.181,2	0,0	11,0	1,5	14,2
VPB	8.817,5	5,6	11,2	1,5	14,0

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.681,7		36,6	7,6	-35,4
VPL	5.083,0	48,9	51,1	4,3	0,0
MWG	4.505,2	1,2	20,3	3,8	19,7
VJC	4.147,3	17,8	63,7	4,5	7,8
HVN	3.747,7	20,8	8,4	17,6	-229,1
FRT	925,3	16,3	39,5	7,9	24,8

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	4.014,8		20,4	5,0	24,5
HPG	7.626,3	27,3	24,6	12,6	46,8
GVR	4.605,7	12,1	13,9	3,6	26,4
DGC	4.406,0	34,4	36,5	3,4	10,5
KSV	2.251,4	0,0	13,7	2,6	18,9
MSR	1.184,7	99,9	13,2	2,6	20,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.291,5		22,5	1,2	6,7
DHG	3.196,3	46,2	40,7	1,5	3,7
IMP	1.699,3	24,8	16,8	1,7	10,3
DHT	619,3	9,0	11,2	1,1	10,4
DBD	512,2	84,5	15,1	0,8	5,5
DVN	430,6	0,0	28,6	1,1	3,8

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.985,4		18,5	4,1	12,4
FPT	5.775,9	8,0	12,6	2,3	18,9
CMG	1.341,8	13,9	13,7	1,7	13,2
SAM	1.308,0	48,5	18,1	1,0	5,8
SGT	851,6	-5,5	31,3	1,5	4,9
ELC	649,7	45,9	16,8	14,1	19,3

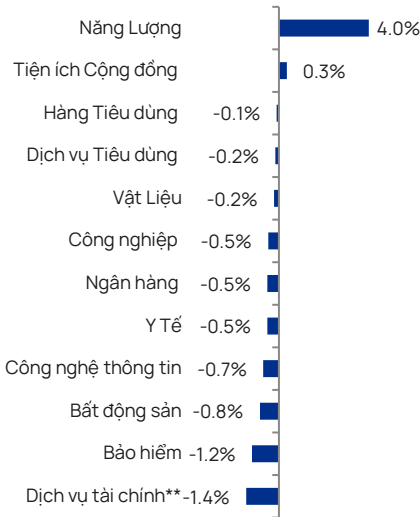
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

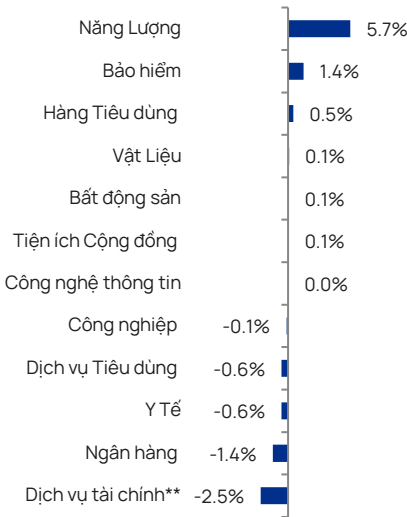
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

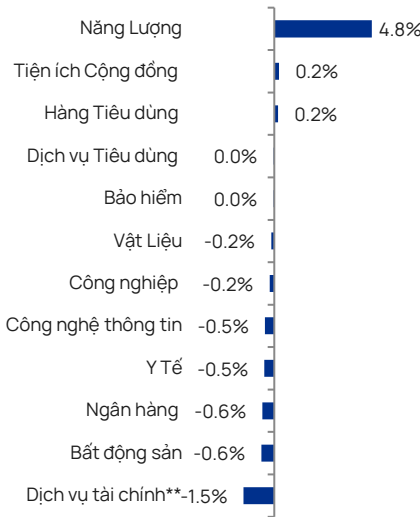
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



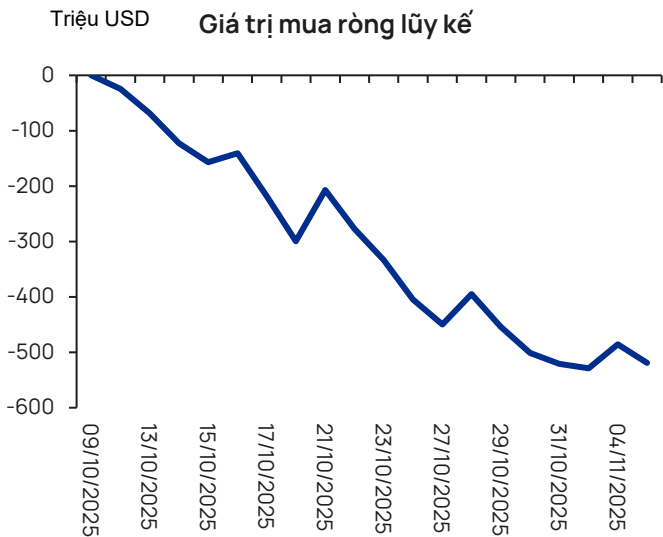
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



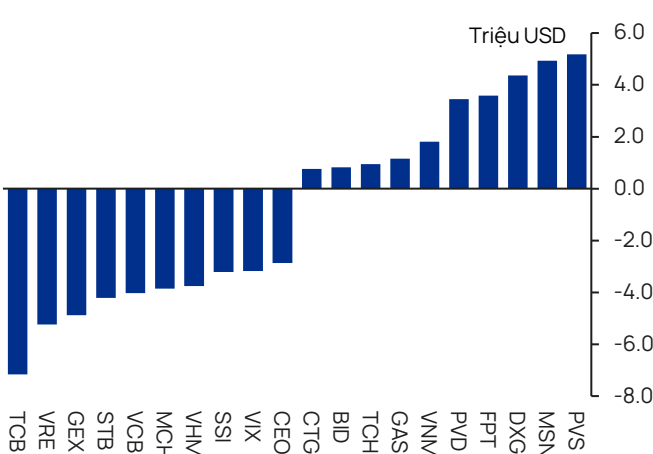
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

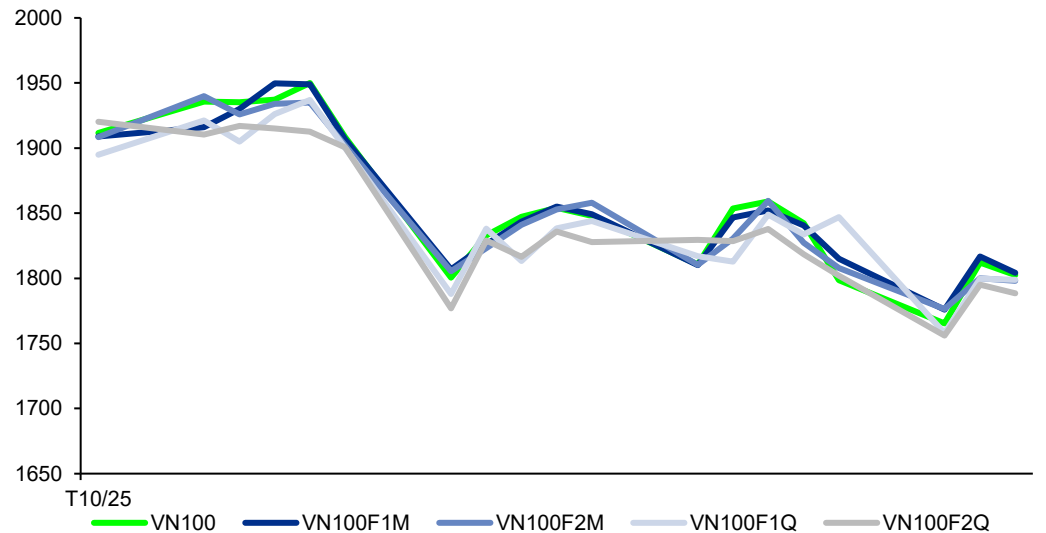
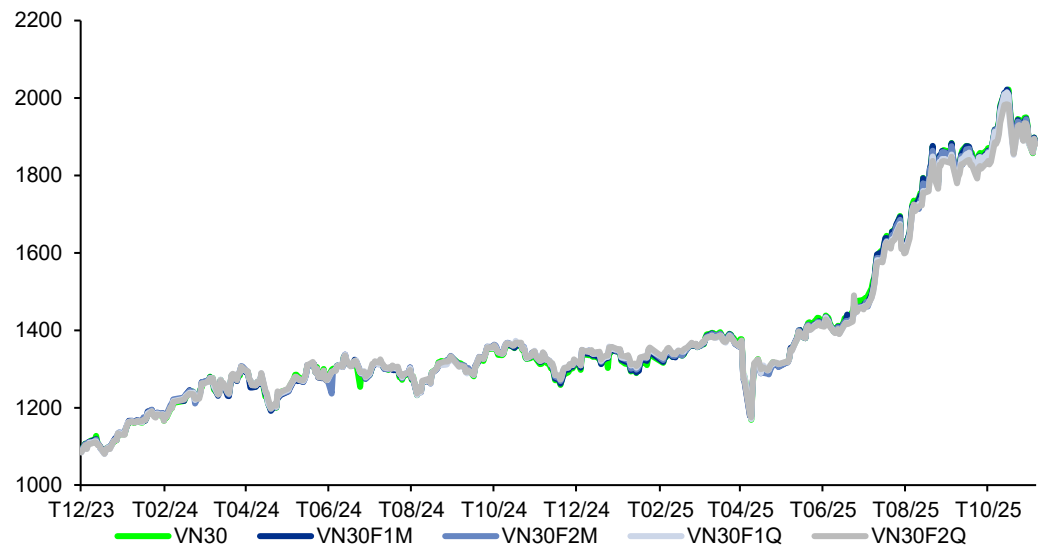


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.886,0	-12,0	-0,6%	-0,5
VN30F2M	1.884,1	-11,2	-0,6%	-2,4
VN30F1Q	1.882,1	-3,2	-0,2%	-4,4
VN30F2Q	1.880,0	-15,0	-0,8%	-6,5
VN100F1M	1.804,1	-12,7	-0,7%	1,5
VN100F2M	1.798,0	-2,0	-0,1%	-4,6
VN100F1Q	1.798,9	-0,8	0,0%	-3,7
VN100F2Q	1.788,4	-6,6	-0,4%	-14,2

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	36.311	-12,3%	288,71	-21,1%
VN30F2M	3.833	1,8%	0,56	-56,2%
VN30F1Q	263	-2,2%	0,08	-44,5%
VN30F2Q	133	9,0%	0,02	-24,1%
VN100F1M	80	-16,7%	0,08	-41,8%
VN100F2M	13	30,0%	0,03	177,8%
VN100F1Q	21	10,5%	0,02	-11,8%
VN100F2Q	16	14,3%	0,02	-52,9%

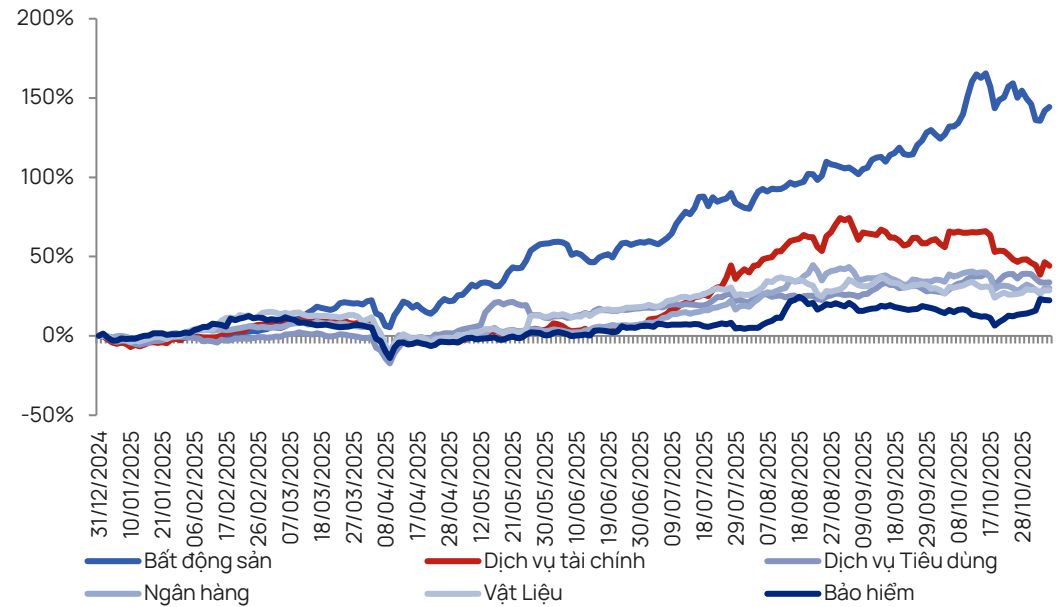


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

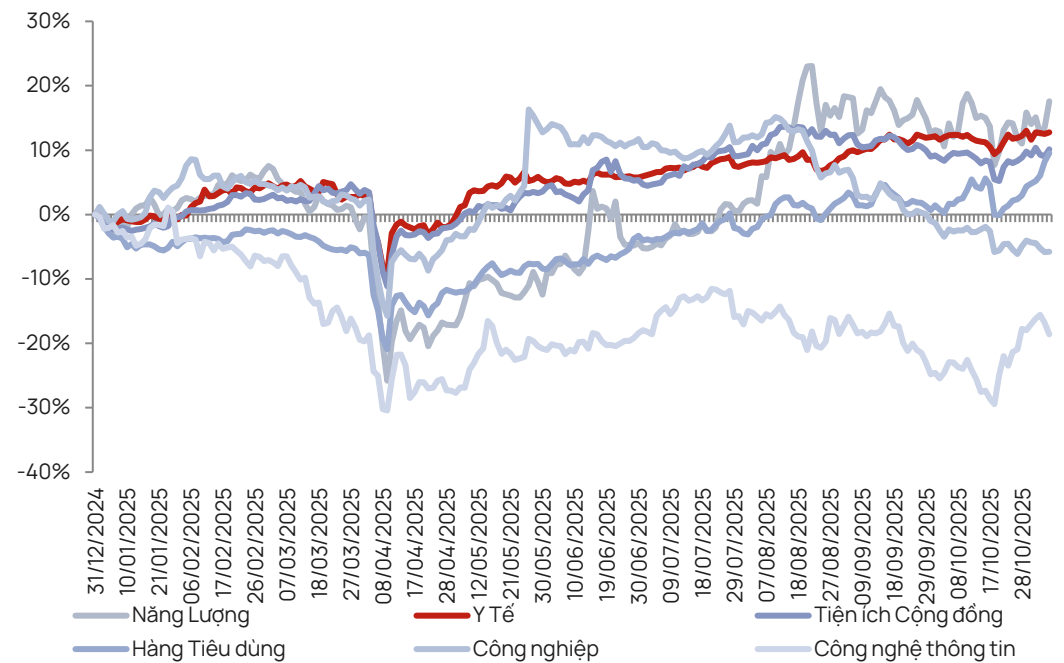
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



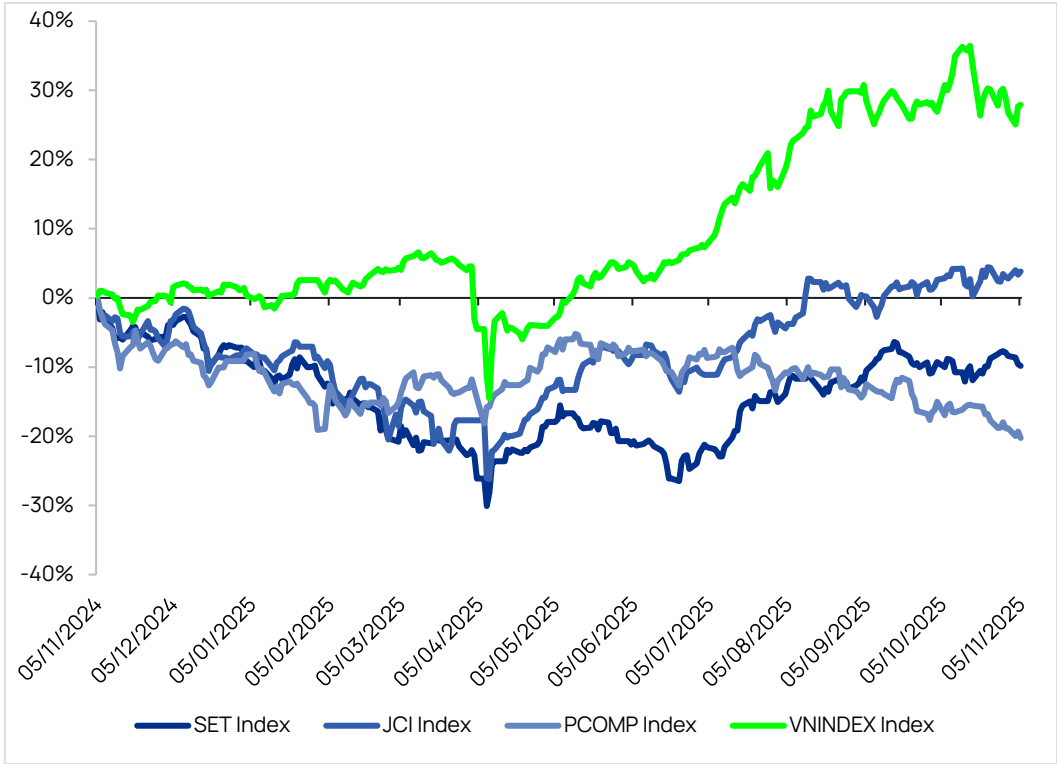
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



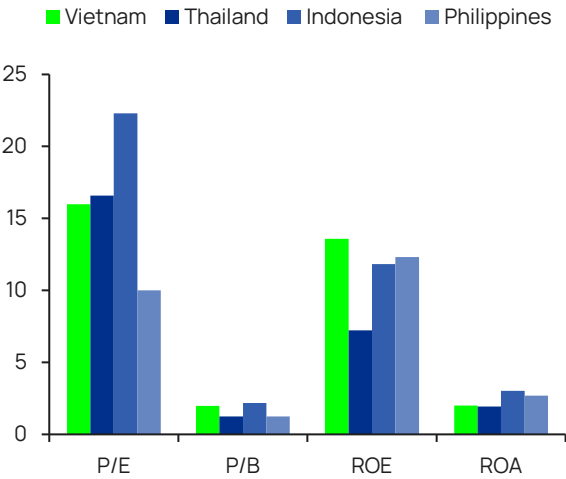
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,6	22,3	10,0	16,0
P/B	1,2	2,2	1,2	2,0
ROE (%)	7,2	11,8	12,3	13,6
ROA (%)	1,9	3,0	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	505,8	905,8	144,0	271,8
GTGD trung bình, tr USD	1.179,0	816,6	78,3	870,9
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-3.023,2	-2.445,0	-762,5	-4.526,9
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(8,2)	195,5	(17,0)	(21,5)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,48%	5,54%	5,66%	3,16%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thủy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thục, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.